TÒ TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 902/2017/HNST
Ngày: 31-7-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh T

2. Ông Phạm Văn C

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hiếu H - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2017/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2017/QĐXX-ST ngày 12/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc C, sinh năm: 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: 27/4 tổ dân phố 10, khu phố 9, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn

Bị đơn: Ông Trần Thanh Tùng, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 27/4 tổ dân phố 10, khu phố 9, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được tại tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc C trình bày:

Bà và ông Trần Thanh T có tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2002, đến năm 2004 hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh. Sau khi xây dựng gia đình, thời gian đầu vợ

chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2013 thì đôi bên bắt đầu phát sinh mâu thuẩn.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn chủ yếu do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không còn quan tâm đến gia đình và vợ con, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Từ lúc ly thân ông T còn có hành vi gây gỗ, quậy quá và đập nhà cửa nhiều lần. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà ông T chung sống có 02 con chung tên Trần Minh M, sinh ngày 29/9/2003 và Trần Bảo N, sinh ngày: 05/5/2006. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ M và N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Tùng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về phía ông Trần Thanh T: Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như nhiều lần tống đạt triệu tập yêu cầu ông đến tòa để giải quyết vụ kiện nhưng ông Tùng không đến để giải quyết. Vụ kiện được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc C vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu như đã trình bày: Xin được ly hôn với ông Trần Thanh T vì bà xác định mâu thuẩn vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm của bà đối với ông T không còn.

Về con chung: Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Trần Minh M, sinh ngày 29/9/2003 và Trần Bảo N, sinh ngày: 05/5/2006 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đối với ông Trần Thanh T, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt triệu tập đương sự tham gia phiên tòa nhưng ông Tùng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Lời trình bày của đương sự tại phiên tòa công khai hôm nay phù hợp với chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp vì đôi bên có đăng ký kết hôn theo luật định.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn giữa bà C và ông T chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, giữa bà C và ông T có nhiều bất đồng nhưng cả bà C và

ông T không thể tự giải quyết dẫn đến cuộc sống chung giữa vợ chồng mất hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Từ lúc ly thân cả hai đều bỏ mặc không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa nguyên đơn bà C xác định tình cảm của bà đối với ông T không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Hội đồng xét thấy mâu thuẩn giữa bà C và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xét yêu cầu của bà Cẩm xin ly hôn ông T là có cơ sở nên Hội đồng chấp nhận.

Đối với ông Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà Cẩm yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Trần Minh M, sinh ngày 29/9/2003 và Trần Bảo N, sinh ngày: 05/5/2006 đến tuổi trưởng thành. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, 02 trẻ do bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và xét nguyện vọng của hai trẻ, Hội đồng xét thấy cần tiếp tục giao 02 trẻ Trần Minh M, sinh ngày 29/9/2003 và Trần Bảo N, sinh ngày: 05/5/2006 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc C:

* Về quan hệ vợ chồng: Bà Ngô Thị Ngọc C ly hôn ông Trần Thanh T.

* Về con chung: Giao 02 trẻ Trần Minh M, sinh ngày 29/9/2003 và Trần Bảo N, sinh ngày: 05/5/2006 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về nợ chung: không có.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà C chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, tính cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Cẩm đã nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0008568 ngày 08.3.2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn nên bà C còn phải nộp thêm số tiền 100.000 (một trăm ngàn) đồng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**